

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THUYẾT
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày: 28/12/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THUYẾT, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Khánh.

- Ông Vũ Xuân Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Trịnh Bá Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/HSST ngày 05/11/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HS ngày 14/12/2021 đối với bị cáo:

PVT, tên gọi khác: không; Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1980 tại: GT1, Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: Xóm 16, xã GT, huyện GT1, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Phạm Hồng Th (Phạm Văn Th) (đã chết), con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957; có vợ và 01 con; Tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an huyện Lạc Thủy.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị TTH, sinh năm 1996; Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn R, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh NMC, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn AN, xã PNg, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

- Ông BTQ, sinh năm 1961; Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn R, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

- Chị BTH1, sinh năm 1976; Có mặt.

Địa chỉ: thôn R, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

*** Người làm chứng:**

- anh TrAD, sinh năm 2000; Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn R, xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa - nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/8/2021, T đi xe mô tô BKS: 28F6 – 8636 đến trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình để đón cháu BTLPh (con gái của chị BTH1) là học sinh lớp 01 của trường. Khi đến trường T dựng xe ngoài cổng trường, sau đó đi bộ vào lớp học 1A1, lúc này cô giáo TTH và các cháu học sinh đang ở trong lớp, chuẩn bị ra về. T quan sát xung quanh nhìn thấy 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX của chị H để trên mặt bàn giáo viên, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lợi dụng sự lơ đãng trong lớp học, PVT đi đến lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE XS MAX của chị H để trên mặt bàn, cho vào túi quần rồi đón cháu Ph đi về nhà cháu Ph tại thôn R, xã PT.

Sau khi trộm cắp được tài sản, T mang đến quán “C Mobile” ở: thôn 7, xã PNg, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình bán cho anh NMC được 1.000.000 (một triệu đồng). Số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết 500.000đ.

Sau khi bị mất điện thoại, chị TTH đã trình báo cơ quan chức năng. Đến 20h50 phút ngày 23/8/2021, PVT đến Công an xã PT, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại biên bản, Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2021 kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu đen đã qua sử dụng có giá trị: 8.667.000 đồng (Tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKSLT ngày 05/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo PVT về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo PVT thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung cáo trạng truy tố; Bố bị cáo có tên là PVTh.

- Các tài liệu, đơn của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm. Người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Chị BTH1 tự nguyện giao nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền bị cáo T để trong túi áo khoác tại nhà chị H1.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (BLHS) xử phạt bị cáo PVT từ 9 đến 12 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 và buộc bị cáo PVT nộp lại số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng. Do đây là số tiền thu lợi bất chính.

+ Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội nào khác và tuyên án phí, quyền kháng cáo theo pháp luật.

- Bị cáo PVT ăn năn hối cải với hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của Viện kiểm sát; chỉ đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan CSĐT (Cảnh sát điều tra) Công an huyện Lạc Thủy, Điều tra viên; VKSND huyện Lạc Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ khẳng định: Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, PVT đã lén lút, chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XSMAX màu đen có giá trị 8.667.000 đồng.

[3]. Về tội danh và hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 - BLHS. VKSND huyện Lạc Thủy truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, đã trực tiếp xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên phải chịu hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo đầu thú; bố của bị cáo có công trong kháng chiến được tặng thưởng huy chương kháng chiến; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xin cho bị cáo hưởng án treo nên bị cáo được hưởng

tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 – BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo PVT có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có đủ các điều kiện để cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo. Nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên HĐXX không đề cập.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) anh NMC dùng để mua chiếc điện thoại trộm cắp của bị cáo, anh C không yêu cầu bị cáo T đền bù số tiền trên. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về vật chứng: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị của Đại diện VKSND là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với ông BTQ là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS: 28F6 – 8636 cho PVT mượn xe làm phương tiện để đi lại, quá trình điều tra xác định ông Q hoàn toàn không biết, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của T nên không đề cập xử lý, đồng thời quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Đối với NMC là người đã mua chiếc điện thoại IPHONE XSMAX do bị cáo PVT trộm cắp ngày 23/8/2021. Quá trình điều tra xác định NMC không biết tài sản do T trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo PVT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quyền kháng cáo được tuyên theo quy định tại Điều 331 BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố Bị cáo PVT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 – BLHS xử phạt bị cáo PVT 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do cho bị cáo PVT ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội nào khác.

Giao bị cáo PVT cho UBND xã GT, huyện GT1, tỉnh Nam Định quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Gia đình bị cáo PVT có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo PVT thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình).

- Buộc bị cáo PVT nộp lại số tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 – BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo PVT phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy; công an huyện;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS Lạc Thủy;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Hùng Dũng